

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 2194/TTr-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm

tra số 132/BC-BVHXH ngày 12/10/2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người cai nghiện ma túy (cai nghiện bắt buộc và tự nguyện) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
2. Công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia hoặc có liên quan đến công tác cai nghiện ma túy.

Điều 3. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Hỗ trợ tiền ăn hằng tháng của người cai nghiện bắt buộc bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Tiền ăn ngày Lễ, Tết dương lịch bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; tiền ăn các ngày Tết nguyên đán bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; tiền ăn đối với người cai nghiện bị ốm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của người cai nghiện bắt buộc (kể cả băng vệ sinh đối với nữ) bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.

3. Hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện công lập trở về địa phương nơi cư trú, gồm:

- a) Tiền ăn trong những ngày đi đường: 85.000đồng/người/ngày, tối đa không quá 03 ngày.
- b) Tiền tàu xe: Mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông.
- c) Tiền quần áo: 01 bộ/người (300.000 đồng/bộ/người).

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Hỗ trợ 100% chi phí thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

2. Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, bao gồm:

a) Chi phí cai nghiện ma túy: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Chi thuốc chữa bệnh thông thường: Mức chi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hỗ trợ tiền ăn và các khoản quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân (kể cả băng vệ sinh đối với nữ) bằng 70% mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc.

Điều 5. Mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 0,3 lần mức lương cơ sở hiện hành.

2. Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 6. Trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động

Chi trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định hỗ trợ, đóng góp

đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2023. /

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PT - TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

[Handwritten signature]

Hồ Văn Niên